TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 05 - 01 - 2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phú

2. Bà Mai Lương Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Ngọc Phú là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 664/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số 92/2023/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị B, sinh năm: 1972; Địa chỉ: tổ ĐP, phường K, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. *có mặt*.

Bị đơn: Ông Phan Đình Quý L, sinh năm: 1972; Địa chỉ: tổ ĐP, phường K, thành phố ĐL, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị B thì:

Bà và ông Phan Đình Quý L kết hôn vào năm 2003 tại Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố ĐL. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ ĐP, phường K, thành phố ĐL, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Qúa trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, ông L sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ khi kết hôn cho đến nay việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chủ yếu do một mình bà, ông L không phụ giúp được gì nhiều. Bên cạnh đó ông L bên ngoài có người phụ nữ khác, năm 2022 bà đã làm đơn ly hôn gửi Tòa án và ông L hứa sẽ thay đổi nên bà đã cho ông

L cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, mặc cho bà đã khuyên giải, tha thứ cho ông L nhiều lần nhưng ông L không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Phan Đình Qúy T, sinh ngày 13/12/2003 (đã thành niên); Phan Mỹ H, sinh ngày 09/4/2006; Phan Mỹ H, sinh ngày 27/6/2007 và Phan Thị Thúy T, sinh ngày 13/6/2011. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi 03 cháu H, H, Tr, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Phan Đình Quý L nhưng sau thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được thông báo thụ lý vụ án ông L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt ông L theo thủ tục chung, sau đó thông báo kết quả cho ông L nhưng ông L không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Phan Đình Quý L. Bị đơn ông L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bê, cho bà Bê được ly hôn với ông L. Về con chung cháu Phan Đình Qúy T, sinh ngày 13/12/2003 đã thành niên ở với ai do cháu tự quyết định, giao 03 con chung Phan Mỹ H, sinh ngày 09/4/2006; Phan Mỹ H, sinh ngày 27/6/2007 và Phan Thị Thúy T, sinh ngày 13/6/2011 cho bà B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phan Đình Quý L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị B và ông Phan Đình Quý L kết hôn với nhau năm 2003, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều

mâu thuẫn, bà B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông L nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông L hiện đang cư trú tại tổ ĐP, phường K, thành phố ĐL, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/01/2003 của Uỷ ban nhân dân phường K, thành phố ĐL, lời khai trình bày thừa nhận của các đương sự đã đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà B và ông L là hôn nhân hợp pháp. Qua xem xét thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa bà B và ông L sau khi kết hôn hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà B trình bày do hai bên không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, ông L sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chung sống không hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Thực tế thấy rằng hôn nhân giữa hai bên không còn tồn tại, hai bên không có sự yêu thương, chia sẻ lẫn nhau, vi phạm nguyên tắc tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông L đã ở mức mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn. Bản thân bà B có nguyện vọng ly hôn, Tòa án đã thông báo cho ông L được biết sự việc này theo thủ tục chung nhưng ông L không có ý kiến phản bác, do đó cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho bà B được ly hôn với ông L.

[3.2] Về con chung: Dựa trên lời khai của bà Bê và giấy khai sinh của con đã đủ cơ sở khẳng định giữa bà B và ông D có 04 con chung Phan Đình Qúy T, sinh ngày 13/12/2003, hiện nay cháu đã thành niên ở với ai do cháu tự quyết định; Các cháu Phan Mỹ H, sinh ngày 09/4/2006; Phan Mỹ H, sinh ngày 27/6/2007 và Phan Thị Thúy T, sinh ngày 13/6/2011, hiện tại 03 cháu H, H, T đang sinh sống cùng bà Bê và bản thân các cháu đều có nguyện vọng được bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để tránh xáo trộn sinh hoạt của các con, đảm bảo cho các con về mọi mặt cần giao con chung Phan Mỹ H, sinh ngày 09/4/2006; Phan Mỹ H, sinh ngày 27/6/2007 và Phan Thị Thúy T, sinh ngày 13/6/2011 cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do bà Bê không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 82, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B về việc "*Ly hôn*".

1. Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho bà Ngô Thị B được ly hôn với ông Phan Đình Quý L.

2. Về con chung: Con chung Phan Đình Qúy Th, sinh ngày 13/12/2003 đã thành niên.

2.1.Giao 03 con chung Phan Mỹ H, sinh ngày 09/4/2006; Phan Mỹ H, sinh ngày 27/6/2007 và Phan Thị Thúy T, sinh ngày 13/6/2011 cho bà Ngô Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.Về án phí: Bà Ngô Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012187 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Loan